

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
POSTS AND TELECOMMUNICATIONS INSTITUTE OF TECHNOLOGY**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

TRỤ SỞ CHÍNH

122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội

HỌC VIỆN CƠ SỞ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC

Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Hà Đông, Tp. Hà Nội

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM

97 Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

Cổng thông tin điện tử: <https://portal.ptit.edu.vn/>

Địa chỉ thư điện tử: vanphong@ptit.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có):

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được thành lập theo Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ và là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng

Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là trường đại học hàng đầu Việt Nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục đại học, trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm trường đại học hàng đầu châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

4.3. Giá trị cốt lõi

Tiên phong – Sáng tạo; Chất lượng - Hiệu quả; Uy tín - Trách nhiệm; Tận tụy - Nghĩa tình.

4.4. Triết lý giáo dục: “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”

Đây là phương châm xuyên suốt định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Học viện hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “vừa có tài vừa có đức” để đóng góp cho sự phát triển chung của ngành, của đất nước, của nhân loại. Trong đó:

Tri thức: Tri thức là tài sản lớn nhất của một trường đại học trong vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Mỗi cá nhân muốn thành tài tất yếu phải trải qua quá trình tích lũy tri thức. Sáng tạo và chuyển giao tri thức là sứ mệnh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Vì vậy, yêu cầu đầu tiên trong quá trình giáo dục tại Học viện là giúp người học tích lũy đủ về tri thức.

Sáng tạo: Sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới và có ích cho thực tiễn từ những tri thức mà con người tích lũy được. Sáng tạo là cách sử dụng tri thức, vận dụng tri thức để hiểu được, quản lý được và dự báo được những thay đổi đang diễn ra trong xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng khi xã hội đang thay đổi ngày một nhanh chóng như hiện nay.

Đạo đức: Đạo đức là những chuẩn mực tốt đẹp trong tính cách của con người, mang đậm giá trị truyền thống tốt đẹp của con người nói chung và người Việt Nam nói riêng. Hoạt động đào tạo của Học viện hướng tới tạo ra những con người mang đậm giá trị văn hóa của dân tộc, của ngành trong hoạt động giáo dục của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Trách nhiệm: Trách nhiệm là lý trí quan trọng để mỗi cá nhân trở nên có ích cho xã hội. Giáo dục phải giúp con người biết có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với cộng đồng, với đất nước...

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

07/09/1953	Thành lập trường Đại học Bưu điện - Vô tuyến điện
17/09/1966	Thành lập Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện RIPT
08/04/1975	Thành lập Viện Kinh tế Bưu điện ERIPT

- | | |
|------------|--|
| 28/05/1988 | Thành lập Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông II (PTTC2) |
| 11/07/1997 | Thành lập Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông theo quyết định số 516/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 7 năm 1997 trên cơ sở sắp xếp lại 4 đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam bao gồm:
<div style="margin-left: 40px;"> <p>Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông 1</p> <p>Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông 2</p> <p>Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện</p> <p>Viện Kinh tế Bưu điện.</p> </div> |
| 17/09/1997 | Công bố Quyết định thành lập Học viện Công nghệ BCVT |
| 22/3/1999 | Thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin CDIT (nay là Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông CDIT) trực thuộc Học viện |
| 1/7/2014 | Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 878/QĐ-BTTTT điều chuyển quyền quản lý Học viện từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Thông tin và Truyền thông. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ. Học viện thực hiện chức năng đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, tư vấn và chuyển giao công nghệ. Là trường đại học, đơn vị nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực trọng điểm của Ngành thông tin và truyền thông. |

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: PGS.TS. Đặng Hoài Bắc

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ nơi làm việc: 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội

Số điện thoại: (024) 37.540.408

Địa chỉ thư điện tử: bacdh@ptit.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

- Quyết định số 516/TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 1508/QĐ-BTTTT ngày 03/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020-2025.
- Quyết định số 1509/QĐ-BTTTT ngày 03/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020-2025.
- Danh sách thành viên Hội đồng học viện:

TT	Họ tên	Vị trí công tác
1	GS.TS. Từ Minh Phương	Chủ tịch Hội đồng học viện
2	ThS. Nguyễn Chí Thành	Thư ký Hội đồng, Trưởng phòng Giáo vụ
3	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Thành viên, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Học viện
4	PGS.TS. Trần Quang Anh	Thành viên, Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn
5	TS. Tân Hạnh	Thành viên, nguyên Phó Giám đốc Học viện.
6	TS. Vũ Tuấn Lâm	Thành viên, nguyên Phó Giám đốc Học viện.
7	PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban	Thành viên, Trưởng khoa Viễn thông 1
8	TS. Nguyễn Duy Phương	Thành viên, Trưởng khoa Công nghệ thông tin 1
9	ThS. Đặng Thu Hà	Thành viên, Trưởng phòng TCCB-LĐ
10	TS. Nguyễn Trung Kiên	Thành viên, Phó Giám đốc Học viện
11	Sinh viên Hà Mạnh Dũng	Thành viên, Sinh viên D22 ngành Công nghệ thông tin - Đại diện Đoàn TNCSHCM Học viện
12	Ông Triệu Minh Long	Thành viên, Phó giám đốc Học viện chiến lược và khoa học công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ
13	TS. Nguyễn Thiện Nghĩa	Thành viên, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Khoa học và Công nghệ
14	TS. Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên, Nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học, Bộ GD&ĐT
15	Ông Nguyễn Trung Chính	Thành viên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn CMC
16	Ông Huỳnh Quang Liêm	Thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam VNPT
17	Ông Tào Đức Thắng	Thành viên, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Viettel

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định Giám đốc Học viện đối với PGS.TS Đặng Hoài Bắc: Quyết định số 828/QĐ-BTTTT ngày 04/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Quyết định Phó giám đốc Học viện đối với PGS.TS Trần Quang Anh: Nghị quyết số

196/NQ-HĐHV ngày 05/5/2025 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Học viện nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định Phó giám đốc Học viện đối với TS. Nguyễn Trung Kiên: Nghị quyết số 155/NQ-HĐHV ngày 20/8/2024 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc Học viện nhiệm kỳ 2020-2025.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện: Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Các đơn vị thuộc Học viện:
 - + Tổ chức cán bộ - Lao động: Quyết định số: 800/QĐ-HV ngày 05/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tổ chức cán bộ - Lao động.
 - + Văn phòng Học viện: Quyết định số: 833/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng.
 - + Phòng Đào tạo: Quyết định số: 834/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Đào tạo.
 - + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Quyết định số: 835/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Kế hoạch - Đầu tư.
 - + Phòng Tài chính – Kế toán: Quyết định số: 836/QĐ-HV ngày 18/11/2015 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tài chính – Kế toán.
 - + Phòng Giáo vụ: Quyết định số 901/QĐ-TCCB ngày 05/11/2013 của Học viện về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ và đổi tên phòng Quản lý Kế hoạch đào tạo thành phòng Giáo vụ.
 - + Quyết định số: 621/QĐ-HV ngày 08/8/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo vụ.
 - + Phòng Chính trị và Công tác Sinh viên: Quyết định số 894/QĐ-TCCB ngày 05/11/2013 của Học viện về việc thành lập phòng Chính trị và Công tác Sinh viên.
 - + Quyết định số 622/QĐ-HV ngày 08/8/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Chính trị và Công tác sinh viên.
 - + Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: Quyết định số 897/QĐ-

HV ngày 05/11/2013 của Học viện về việc thành lập phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

- + Quyết định số 971/QĐ-HV ngày 01/11/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế.
- + Trung tâm Đào tạo quốc tế: Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 12/6/2017 của Học viện về việc thành lập Trung tâm Đào tạo Quốc tế.
- + Trung tâm Dịch vụ: Quyết định số 129/QĐ-HV ngày 01/3/2018 của Học viện về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ.
- + Quyết định số 219/QĐ-HV ngày 28/3/2018 của Học viện về việc ban hành Quy chế tạm thời tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ.
- + Trung tâm Thí nghiệm thực hành: Quyết định số 693/QĐ-HV ngày 01/8/2016 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thí nghiệm thực hành.
- + Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục: Quyết định số: 1035/QĐ-HV ngày 05/12/2008 của Học viện về việc thành lập Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục.
- + Quyết định số: 970/QĐ-HV ngày 01/11/2018 của Học viện về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục.
- + Khoa đào tạo Sau đại học: Quyết định số: 672/QĐ-HV ngày 01/8/2017 của Học viện về việc đổi tên Khoa Quốc tế và Đào tạo sau đại học và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa Đào tạo sau đại học.
- + Khoa Đa phương tiện: Quyết định số 265/QĐ-HV ngày 15/3/2016 của Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Đa phương tiện.
- + Khoa Viễn thông I: Quyết định số 213/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Viễn thông 1.
- + Quyết định số: 39/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Viễn thông 1.
- + Khoa Cơ bản I: Quyết định số 211/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Cơ bản I.
- + Quyết định số: 36/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Cơ bản 1.
- + Khoa Kỹ thuật Điện tử I: Quyết định số 212/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Kỹ thuật điện tử I.
- + Quyết định số: 37/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Kỹ thuật điện tử 1

- + Khoa Công nghệ Thông tin I: Quyết định số 215/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Công nghệ Thông tin I.
- + Quyết định số: 38/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Công nghệ thông tin I.
- + Khoa Quản trị Kinh doanh I: Quyết định số 214/QĐ-TCCB/HV ngày 25/3/1999 của Học viện về việc thành lập khoa Quản trị Kinh doanh I.
- + Quyết định số: 40/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Quản trị kinh doanh I.
- + Khoa Tài chính Kế toán I: Quyết định số 661/QĐ-TCCB ngày 16/9/2010 của Học viện về việc thành lập khoa Tài chính Kế toán I.
- + Quyết định số: 41/QĐ-HV ngày 11/01/2016 của Học viện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của khoa Tài chính kế toán I.
- + Khoa An toàn Thông tin: Quyết định số 45/NQ-HĐHV ngày 29/12/2021 của Hội đồng Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa An toàn thông tin.
- + Khoa Trí tuệ nhân tạo: Nghị quyết số 148/NQ-HĐHV ngày 22/07/2024 của Hội đồng Học viện về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa Trí tuệ nhân tạo.
- + Viện Lãnh đạo, Quản trị và Quản lý Việt Nam: Nghị quyết số 181/NQ-HĐHV ngày 03/02/2025 của Hội đồng Học viện về việc thành lập Viện Lãnh đạo, Quản trị và Quản lý Việt Nam.
- Các đơn vị trực thuộc Học viện:
 - + Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện:
 - ✓ Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 180-CP ngày 17/9/1966 của Hội đồng Chính phủ Thành lập Viện nghiên cứu khoa học, kỹ thuật Bưu điện và truyền thanh.
 - ✓ Quyết định số 296/QĐ-TCCB ngày 09/4/1993 của Tổng cục Bưu điện về việc đổi tên Viện Khoa học và Kỹ thuật Bưu điện thành Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện.
 - ✓ Quyết định số 674/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện.
 - + Viện Kinh tế Bưu điện:
 - ✓ Quyết định số 812/QĐ ngày 28/5/1975 của Tổng cục Bưu điện về việc Thành lập Viện kinh tế và quy hoạch Bưu điện.
 - ✓ Quyết định số 2308/QĐ ngày 20/12/1979 của Tổng Cục trưởng Tổng cục bưu

- điện thành lập Viện Kinh tế Bưu điện trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
- ✓ Quyết định 635/QĐ-TCCBL-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc tổ chức lại Viện Kinh tế Bưu điện đặt trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
 - ✓ Quyết định số 673/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Kinh tế Bưu điện.
- + Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông CDIT:
- ✓ Quyết định số 636/QĐ-TCCB-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Thành lập Trung tâm công nghệ thông tin trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
 - ✓ Quyết định số 1973/QĐ-VNPT-TCCB ngày 07/12/2011 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc đổi tên Trung tâm công nghệ thông tin thành Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông CDIT.
 - ✓ Quyết định số 672/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông CDIT.
- + Trung tâm Đào tạo BCVTI:
- ✓ Quyết định số 297/QĐ-TCCB-LĐ ngày 05/4/1989 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện thành lập Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam
 - ✓ Quyết định số 632/QĐ-TCCB-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Tổ chức lại Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
 - ✓ Quyết định số 670/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I.
- + Trung tâm Đào tạo BCVTII:
- ✓ Quyết định số 1051/QĐ-TCCB-LĐ ngày 25/8/1988 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện về việc thành lập Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông II trực thuộc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
 - ✓ Quyết định 633/QĐ-TCCB-LĐ ngày 22/3/1999 của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc Tổ chức lại Trung tâm đào tạo Bưu chính Viễn thông II đặt trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
 - ✓ Quyết định số 671/QĐ-HV ngày 25/7/2016 của Học viện về việc ban hành tạm thời Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông II.
- + Trung tâm Đào tạo BCVT: Nghị quyết số 180/NQ-HĐHV ngày 03/02/2025 của Hội đồng Học viện về việc sát nhập Trung tâm Đào tạo Bưu chính viễn thông II

vào Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I trực thuộc Học viện. Đổi tên Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I thành Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
1	Từ Minh Phương	Chủ tịch Hội đồng học viện	0913507508	phuongtm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
2	Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện	0903284728	bacdh@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
3	Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	0983996236	tqanh@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
4	Nguyễn Trung Kiên	Phó Giám đốc Học viện	0903245000	kiennt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
5	Trần Vũ Hải	Chánh Văn phòng Học viện	0903259040	haitv@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
6	Lê Thị Cẩm Thuận	Phó chánh Văn phòng Học viện	0917507337	thuanltc@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó chánh Văn phòng Học viện	0903416217	hungnm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
8	Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB - Lao động	0904118828	hadt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
9	Phạm Lê Huy	Phó Trưởng phòng TCCB - Lao động	0902996696	huypl@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
10	Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị và CTSV	0948688080	yendh@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
11	Nguyễn Thị Nhiều	Phó Trưởng phòng Chính trị và CTSV	0826068488	nhieunt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
12	Đặng Văn Tùng	Phó Trưởng phòng – Phụ trách phòng Đào tạo	0912337788	tungdv@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
13	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	0912262694	huenth@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
14	Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng Quản lý KHCN và HTQT	0912928928	thiennd@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
15	Đỗ Trung Anh	Phó Trưởng phòng Quản lý KHCN và HTQT	0913869328	anhdt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
16	Nguyễn Việt Hưng	Phó Trưởng phòng Quản lý KHCN và HTQT	0969545289	nvhung_vt1@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
17	Đặng Bích Ngọc	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Kế toán trưởng Học viện	0912756769	ngocdb@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
18	Nguyễn Hải Hà	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán	0914512259	hanh@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
19	Nguyễn Minh Chi	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán	0912466080	chinm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
20	Đinh Hồng Hải	Phó Trưởng phòng - Phụ trách phòng Kế hoạch - Đầu tư	0906233468	haidh@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
21	Trần Hoàng Sơn	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư	0913003678	sonth@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
22	Đỗ Mạnh Hùng	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư	0912529429	hungdm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
23	Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	0912453327	thanhnc@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
24	Ngô Xuân Thành	Phó Trưởng phòng Giáo vụ	0913053636	thanhnx@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
25	Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm Khảo thí và ĐBCLGĐ	0936456368	hanhtm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
26	Phạm Phú Tài	Phó trưởng trung tâm Khảo thí và ĐBCLGĐ	0913053114	taipp@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
27	Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành	0913394091	synq@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
28	Nguyễn Đức Việt	Phó Trưởng Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành	0904362626	vietnd@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
29	Phạm Vũ Minh Tú	Phó Giám đốc, Phụ trách Trung tâm Đào tạo Quốc tế	0904592738	tupvm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
30	Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc, phụ trách Trung tâm Dịch vụ	0913319659	truongnx@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
31	Lê Nhật Thăng	Trưởng khoa Đào tạo Sau đại học	0932158468	thangln@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
32	Phạm Ngọc Anh	Trưởng khoa Cơ bản 1	0912316141	anhpn@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
33	Nguyễn Trung Hiếu	Trưởng khoa Kỹ thuật điện tử 1	0916566268	hieunt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
34	Nguyễn Duy Phương	Trưởng khoa Công nghệ thông tin 1	0913575442	phuongnd@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
35	Phạm Văn Cường	Trưởng khoa Trí tuệ nhân tạo	0944643166	cuongpv@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
36	Hoàng Xuân Dậu	Trưởng khoa An toàn thông tin	0904534390	dauhx@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
37	Nguyễn Tiến Ban	Trưởng khoa Viễn thông 1	0904110109	bannt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
38	Đặng Thế Ngọc	Phó Trưởng khoa Viễn thông 1	0918686517	ngocdt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
39	Nguyễn Chiến Trinh	Phó Trưởng khoa Viễn thông 1	0915400946	trinhnc@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
40	Đặng Thị Việt Đức	Trưởng khoa Tài chính kế toán 1	0914932612	ducdiv@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
41	Nguyễn Văn Hậu	Phó Trưởng khoa Tài chính kế toán 1	0933132286	haunv@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
42	Vũ Trọng Phong	Trưởng khoa Quản trị kinh doanh 1	0912099811	phongvt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
43	Trần Thị Thập	Phó Trưởng khoa Quản trị kinh doanh 1	0912212929	thaptt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
44	Lê Thị Hằng	Phó Trưởng khoa, Phụ trách khoa Đa phương tiện	0904826618	hanglt@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
45	Nguyễn Xuân Hải	Trưởng khoa Cơ bản 2.	0913157226	nxhai@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM
46	Nguyễn Hồng Quân	Phó trưởng khoa Cơ bản 2	0988942043	hongquan@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM
47	Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng khoa Công nghệ thông tin 2	0913717565	ngson@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM
48	Huỳnh Trọng Thừa	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin 2	0909899791	htthua@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM
49	Nguyễn Thanh Bình	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Kỹ thuật điện tử 2	0918850555	thanhbinh68@gmail.com	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM
50	Trần Đình Thuận	Phó Trưởng khoa – Phụ trách khoa Viễn thông 2	0913803864	tdthuan@ptithcm.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM
51	Ngô Quốc Dũng	Viện Trưởng Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	0985061316	dungnq@ptit.edu.vn	Số 122 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội
52	Trần Thiện Chính	Phó viện Trưởng Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	0913000255	chinhhtt@ptit.edu.vn	Số 122 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội
53	Trần Đình Nam	Viện Trưởng Viện Kinh tế Bưu điện	0904964368	namtd@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
54	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó viện Trưởng Viện Kinh tế Bưu điện	0912483379	yennth@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ/Chức danh	Điện thoại	Email	Chuyên ngành đào tạo
55	Nguyễn Kim Quang	Phó viện Trưởng viện Công nghệ thông tin và Truyền thông	0913230313	quangnk@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
56	Cao Minh Thắng	Phó viện Trưởng viện – Phụ trách Viện CNTT và Truyền thông	0936133144	thangcm@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
57	Đoàn Hiếu	Giám đốc Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông	0934683131	doanhieu@ptit.edu.vn	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
58	Lương Hoàng Phước	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông	0913992888	lhphuoc@ptit.edu.vn	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP HCM

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Nghị quyết số 42/NQ-HĐHV ngày 25/11/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.
- Nghị quyết số 10/NQ-HĐHV ngày 27/10/2020 của Hội đồng Học viện ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghị quyết số 04/NQ-HĐHV ngày 13/10/2020 của Hội đồng Học viện về việc Thông qua kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông nhiệm kỳ 2020-2025.
- Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 04/8/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế Thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghị quyết số 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2023 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Nghị quyết số 58/NQ-HĐHV ngày 22/02/2023 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tài chính của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 của Học viện ban hành Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

- Quyết định số 513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 của Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí viên chức, người lao động trong Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được cử đi đào tạo Tiến sĩ trong nước giai đoạn 2021-2025.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ⁵ (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo ⁶ (2023)
		BVH	BVS	
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	37.69	31,12	19,54
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	91.15%	93.53%	71,27
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	50%	23.02%	43,27%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁷

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	620	47	308	265	46	6
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	468	44	192	232	44	6
	Cơ sở đào tạo phía Nam	152	3	116	33	2	0
1.1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	155	13	84	58	12	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	121	11	59	51	11	2
	Cơ sở đào tạo phía Nam	34	2	25	7	1	0
1.2	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	218	15	96	107	18	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	178	14	69	95	18	2
	Cơ sở đào tạo phía Nam	40	1	27	12	0	0
1.3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	70	1	34	35	4	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	43	1	12	30	4	1
	Cơ sở đào tạo phía Nam	27	0	22	5	0	0
1.4	Lĩnh vực Kỹ thuật	79	4	36	39	7	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	53	4	14	35	6	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	26	0	22	4	1	0
1.5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	98	14	58	26	5	1
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	73	14	38	21	5	1
	Cơ sở đào tạo phía Nam	25	0	20	5	0	0

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	440	28	240	172	23	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	345	26	167	152	21	2
	Cơ sở đào tạo phía Nam	95	2	73	20	2	0
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	114	8	69	37	5	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	91	7	51	33	4	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	23	1	18	4	1	0
2.2	Lĩnh vực Máy tính và CNTT	162	10	76	76	11	2
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	141	9	63	69	11	2
	Cơ sở đào tạo phía Nam	21	1	13	7	0	0
2.3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	51	0	25	26	2	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	33	0	10	23	2	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	18	0	15	3	0	0
2.4	Lĩnh vực Kỹ thuật	46	3	26	17	5	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	30	3	11	16	4	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	16	0	15	1	1	0
2.5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	67	7	44	16	0	0
	Cơ sở đào tạo phía Bắc	50	7	32	11	0	0
	Cơ sở đào tạo phía Nam	17	0	12	5	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁸

TT	Chỉ số	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	17	17
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	255	270
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	43,87%	52,18%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁹

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)	
		BVH	BVS	BVH	BVS
1	Diện tích đất/người học (m2) Từ 2030 mới tính	9,38		9,38	

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)	
		BVH	BVS	BVH	BVS
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,6	3,09	4,23	
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	73,7%	92,1%	75%	83,6%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	568,8	400	10.444/25	
5	Số bản sách/người học	7,7	1626,3	50.613/17.912	
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	51,81%	30,01%	50%	
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	287,7	343,3	245	2.060

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo¹⁰

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	122 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, TP Hà Nội	2140	
1.1	Nhà làm việc 02 tầng			1.536
1.2	Nhà làm việc 07 tầng			3.241
1.3	Hệ thống sân đường			910
2	Cơ sở đào tạo phía Bắc			
2.1	Cơ sở Hà Đông	Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	55.133	
2.1.1	Nhà A1			4.955
2.1.2	Nhà A2			15.340
2.1.3	Nhà A3			6.600
2.1.4	Nhà B1			3.396
2.1.5	Nhà B2			4.035
2.1.6	Nhà B5			3.660
2.1.7	Nhà B9			378
2.1.8	Nhà hội trường A1			307
2.1.9	Sân Thể thao B5			2.500
2.1.10	Sân bê tông B17			660
2.1.11	Sân bóng chuyền sau A2			855
2.1.12	Vườn hoa sau A1			320
2.1.13	Nhà B15			388
2.1.14	Trung tâm khởi nghiệp B16			307
2.1.15	Nhà ăn Học viện			853
2.1.16	Văn phòng giao dịch 1 cửa			140
2.1.17	Nhà trực công chính			28

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
2.2	Ngọc Trục - Nam Từ Liêm	Thôn Ngọc Trục, P. Đại Mỗ, TP Hà Nội	6.191	
2.2.1	Nhà Hiệu bộ - lớp học			10.335
2.2.2	Ký túc xá			6.176
2.3	Trung tâm Công nghệ cao Hòa Lạc	Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	13.000	
2.3.1	Nhà đào tạo			5.650
2.3.2	Nhà làm việc + phòng học			5.750
3	Cơ sở đào tạo phía Nam			
3.1	Cơ sở 11 Nguyễn Đình Chiểu	Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	4.451	
3.1.1	Nhà lớp học Q1-A			3.992
3.1.2	Nhà làm việc Q1-B			824
3.1.3	Nhà làm việc Q1-C			1.084
3.1.4	Nhà kho Q1 + Nhà máy phát điện			435
3.1.5	Nhà làm việc Q1-YT			60
3.1.6	Phòng học khu A (TT2)			222
3.2	Nhà KTX Q1-5C (TT2)	Số 5C Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	663,6	2.349
3.3	Cơ sở TP Thủ Đức 1	Số 97 Man Thiện, P. Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	39.510	
3.3.1	Nhà số 3-Nhà E			4.764
3.3.2	Nhà số 1-Hội trường và Câu lạc bộ			2.800
3.3.3	Phòng học Q9-A			2.940
3.3.4	Phòng học Q9-D			3.648
3.3.5	Nhà làm việc Q9-A			893
3.3.6	Nhà làm việc Q9-B			1.998
3.3.7	Nhà KTX Q9-C			6.626
3.3.8	Nhà hội trường Q9 (D)			330
3.3.9	Nhà KTX Q9-B			588
3.3.10	Nhà KTX Q9-C			1.320
3.3.11	Nhà KTX tạm Q9			1.805
3.4	Cơ sở TP Thủ Đức 2	Số 97 Man Thiện, P.Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	19.203	

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
3.5	Nhà làm việc	270/10 An Dương Vương, P. Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh	276	
3.6	Nhà làm việc	Khu đất tại số 9 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	126	
Tổng cộng			140.694	114.998

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹	Kinh phí
1	Xây mới		
2	Nâng cấp tòa nhà		
2.1	Làm đường nội bộ và hạ tầng kỹ thuật kết nối từ nhà A1 tới KTX B1	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	1.800.000.000
2.2	Sửa chữa Ký túc xá B2	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	14.500.000.000
2.3	Sửa chữa tầng G,5,6,7,8 nhà A2	96A Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	9.300.498.000
2.4	Sửa chữa ký túc xá tại 97 Man Thiện, TP Hồ Chí Minh	97 Man Thiện, P. Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	14.785.000.000
2.5	Sửa chữa khu giảng đường, khu sinh hoạt chung cho sinh viên của HV tại TP Hồ Chí Minh	97 Man Thiện, P. Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh	8.215.000.000
2.6	Sửa chữa phòng ghi danh Trung tâm II	11 Nguyễn Đình Chiểu, P. Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh	200.000.000
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm		
Tổng cộng			48.800.498.000

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

- Mức độ đạt kiểm định:

- +) Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,91
- +) Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3,93
- +) Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 3,96
- +) Kết quả hoạt động: 3,92

(Không có tiêu chí nào có điểm trung bình dưới 2,0)

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 19 tháng 01 năm 2024 đến ngày 19 tháng 01 năm 2028

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C)	Từ 06/08/2024 đến 06/08/2028
2	7520207	Kỹ thuật điện tử viễn thông	Kỹ thuật điện tử viễn thông	nt	Từ 06/08/2024 đến 06/08/2028
3	7510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	nt	Từ 28/09/2024 đến 28/09/2028
4	7340301	Kế toán	Kế toán	nt	Từ 28/09/2024 đến 28/09/2028
5	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	nt	Từ 28/09/2024 đến 28/09/2028
6	7340115	Marketing	Marketing	nt	Từ 28/09/2024 đến 28/09/2028
7	7329001	Công nghệ đa phương tiện	Công nghệ đa phương tiện	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Truyền thông đa phương tiện	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029
9	7480202	An toàn thông tin	An toàn thông tin	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029
10	7340122	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	nt	Từ 27/05/2024 đến 27/05/2029

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
		BVH	BVS	
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	81,5%	74,8%	77.19%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	78,1%	38,6%	19%
3	Tỉ lệ thôi học	2,4%	4,76%	0.10%
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	2,29%	0,18%	0.05%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	76,2%	64,2%	88,99%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	61,7%	46,7%	68,1%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	94,2%	93,3%	88,47%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	84,7%	85,8%	82.75
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	88,3%	80,9%	79.44

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm 2024

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
A	SAU ĐẠI HỌC	519	258	73	
1	Tiến sĩ	74	33	14	
1.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	24	9	7	
1.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	24	9	4	-
1.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	31	14	4	
1.2.1	Ngành Kỹ thuật máy tính	23	10	1	-
1.2.2	Ngành Hệ thống thông tin	8	4	3	-
1.3	Kỹ thuật	19	10	6	
1.3.1	Ngành Kỹ thuật điện tử	7	5	1	-
1.3.2	Ngành Kỹ thuật viễn thông	12	3	5	-
2	Thạc sĩ	445	225	59	
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	105	42	10	
2.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	105	42	10	-
2.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	278	153	30	
2.2.1	Ngành Khoa học máy tính	98	48	11	
2.2.2	Ngành Hệ thống thông tin	180	105	19	-
2.3	Kỹ thuật	62	30	19	
2.3.1	Ngành Kỹ thuật điện tử	22	7	8	-
2.3.2	Ngành Kỹ thuật viễn thông	40	23	11	-
B	ĐẠI HỌC	17.701	7.138	2.969	
1	Chính quy	14.148	5.513	2.860	
1.1	Các ngành/chương trình đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	3.584	2.199	1.057	
1.1.1	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	3.584	2.199	1.057	

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹³
1.1.1.1	Ngành Công nghệ thông tin	4.731	1.579	804	92.96%
1.1.1.2	Ngành An toàn thông tin	1.279	385	253	93.94%
1.1.1.3	Ngành Khoa học máy tính	388	131	-	-
1.1.1.4	Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	186	104	-	-
1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)	10.564	3.314	1.083	
1.2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	4.503	1.412	799	
1.2.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	1.024	298	190	91.10%
1.2.1.2	Ngành Thương mại điện tử	514	150	109	87.32%
1.2.1.3	Ngành Marketing	1.486	527	241	93.81%
1.2.1.4	Ngành Kế toán	1.023	317	259	92.78%
1.2.1.5	Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)	456	120	-	-
1.2.2	Công nghệ kỹ thuật	1.274	397	220	
1.2.2.1	Ngành CN kỹ thuật Điện, điện tử	1.274	397	220	91.79%
1.2.3	Lĩnh vực Kỹ thuật	2.597	752	417	
1.2.3.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2.040	512	417	90.17%
1.2.3.2	Ngành Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	174	74	-	-
1.2.3.3	Ngành Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	383	166	-	-
1.2.4	Lĩnh vực Báo chí và Thông tin	2.190	753	367	
1.2.4.1	Ngành Báo chí	217	85	-	-
1.2.4.2	Ngành Công nghệ đa phương tiện	517	526	283	90.19%
1.2.4.3	Ngành Truyền thông đa phương tiện	1.456	142	84	92.86%
2	Vừa làm vừa học	1.370	240	3	
2.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	512	75	2	
2.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	512	75	2	
2.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	815	165	0	
2.2.1	Ngành Công nghệ thông tin	815	165	0	
2.3	Lĩnh vực Kỹ thuật	43	0	1	
2.3.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	43	0	1	
3	Từ xa	2.183	1.385	106	
3.1	Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý	369	185	69	
3.1.1	Ngành Quản trị kinh doanh	369	185	69	
3.2	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin	1.620	1.074	35	
3.2.1	Ngành Công nghệ thông tin	1.620	1.074	35	
3.3	Lĩnh vực Kỹ thuật	194	126	2	
3.3.1	Ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông	194	126	2	

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho

toàn cơ sở giáo dục và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ sở giáo dục chủ trì: Tên dự án, đề tài, nhiệm vụ; cấp quản lý; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được;

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
1	Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị Fronthaul Gateway (FHG) trong mạng di động 5G theo cấu trúc O-RAN	TS. Nguyễn Văn Thành	Nhà nước	
2	Nghiên cứu xây dựng nền tảng Chính quyền điện tử triển khai tại địa phương dựa trên phương thức tiếp cận mới hình thành sinh thái số kết nối chính quyền - doanh nghiệp - người dân	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Nhà nước	
3	Nâng cao hiệu quả chẩn đoán bệnh tim sử dụng trí tuệ nhân tạo và điện tâm đồ	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Nhà nước	
4	Thiết kế các mạng phi mặt đất dựa trên truyền thông quang không gian tự do có tốc độ dữ liệu cao và tiết kiệm năng lượng được hỗ trợ bởi các bề mặt phản xạ thông minh và truyền tải năng lượng không dây	PGS.TS. Đặng Thế Ngọc	Nhà nước	
5	Bài toán cân bằng trên tập điểm bất động: Thuật toán và ứng dụng	PGS.TS. Phạm Ngọc Anh	Nhà nước	
6	Nghiên cứu, thử nghiệm Bộ chỉ tiêu đo lường kinh tế số tại Hải Phòng	TS. Đinh Chí Hiếu	Đề tài cấp Sở Hải phòng	
7	Xây dựng các giải pháp chuyển đổi số nông thôn cho mô hình Xã nông thôn mới thông minh và Xã thương mại điện tử với đặc thù của tỉnh Đắk Lắk	PGS.TS. Hoàng Hữu Hạnh	Đề tài cấp Sở Daklak	
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030	PGS.TS. Đặng Thị Việt Đức	Đề tài cấp Sở Daklak	
9	Nghiên cứu công nghệ truyền thông siêu tin cậy và độ trễ thấp (URLLC) với truyền thông gói ngắn trong mạng 6G hỗ trợ IoT	Phạm Anh Thư	Cấp Bộ	
10	Nghiên cứu giải pháp mạng phi mặt đất (NTN) ứng dụng trong truyền thông vô tuyến thế hệ sau	Đặng Thế Ngọc	Cấp Bộ	
11	Nghiên cứu rà soát và hoàn thiện QCVN 73:2013/BTTTT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần 25 MHz - 1 GHz”	Ngô Hán Chiêu	Cấp Bộ	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
12	Nghiên cứu rà soát và hoàn thiện QCVN 96:2015/BTTTT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị vô tuyến cự ly ngắn dải tần từ 9 KHz đến 40 GHz”	Trần Trung Phong	Cấp Bộ	
13	Nghiên cứu rà soát và hoàn thiện QCVN94:2015/BTTTT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin băng siêu rộng”	Trần Quốc Hưng	Cấp Bộ	
14	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển hệ sinh thái dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp tại Việt Nam	Đặng Thị Việt Đức	Cấp Bộ	
15	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ học máy chưng cất (knowledge distillation) ở Việt nam.	Phạm Văn Cường	Cấp Bộ	
16	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ học máy và nền tảng Internet vạn vật (IoT) giám sát, phân tích và cảnh báo bất thường về tim mạch dựa trên tín hiệu điện tâm đồ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe từ xa cho người cao tuổi	Lê Hải Châu	Cấp Bộ	
17	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng nhận diện cảm xúc dựa trên giao diện máy tính-não sử dụng tín hiệu điện não đồ (EEG) và trí tuệ nhân tạo.	Nguyễn Minh Tuấn	Cấp Bộ	
18	Nghiên cứu hệ thống hóa các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và đề xuất hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam	TS. Trần Thiện Chính	Cấp Bộ	
19	Nghiên cứu rà soát, cập nhật TCVN 8705:2011 Công nghệ thông tin - Đánh giá sản phẩm phần mềm - Phần 1: Tổng quát	Vũ Hồng Sơn	Cấp Bộ	
20	Nghiên cứu rà soát, cập nhật TCVN 8706:2011 Công nghệ thông tin - Đánh giá sản phẩm phần mềm - Phần 2: Quy trình dành cho bên đánh giá	Phạm Đình Chung	Cấp Bộ	
21	Nghiên cứu rà soát, cập nhật TCVN 8707:2011 Công nghệ thông tin - Đánh giá sản phẩm phần mềm - Phần 3: Quy trình dành cho người phát triển	Vi Thị Hồng Loan	Cấp Bộ	
22	Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng phát hiện tấn công có chủ đích (APT) dựa trên phân tích kết nối bất thường sử dụng trí tuệ nhân tạo.	Đỗ Xuân Chợt	Cấp Bộ	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
23	Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm thiết bị phát hiện xâm nhập (IDS) ứng dụng kỹ thuật học máy cho các hệ thống IoT	Nguyễn Chiến Trình	Cấp Bộ	
24	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống hỗ trợ thu thập, cảnh báo và quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngô Quốc Dũng	Cấp Bộ	
25	Nghiên cứu, xây dựng mô hình học sâu giải quyết bài toán nhận dạng ảnh khuôn mặt thật và giả phục vụ quản lý nội dung trên Internet	Trần Quý Nam	Cấp Bộ	
26	Nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia về các chỉ số chất lượng chính (KPI) liên quan đến hiệu suất sử dụng điện và môi trường của Trung tâm dữ liệu	ThS. Nguyễn Việt Dũng	Cấp Bộ	
27	Nghiên cứu phát triển bộ công cụ phần mềm dạy ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính dựa trên ứng dụng của game hóa	Trần Thị Ngọc Bích	Cấp Bộ	
28	Nghiên cứu xây dựng một số trò chơi điện tử theo mô hình LEAP (Nghe - Học - Chơi) cho người khiếm thị	Nguyễn Phương Anh	Cấp Bộ	
29	Nghiên cứu chế tạo thiết bị đồng hồ đeo tay hỗ trợ nhận diện giọng nói và cảnh báo cho người khiếm thính	Trần Duy Hiếu	Cấp Bộ	
30	Nghiên cứu , chế tạo thử nghiệm thiết bị ngoại vi điều hướng cơ bản, tương tác (giải trí, học tập...) trên máy tính, hoạt động thông qua cách thức vận động vùng đầu, cổ của người khiếm khuyết vận động chi trên	Nguyễn Văn Chương	Cấp Bộ	
31	Khảo sát một số mô hình ẩn dụ ý niệm trong chương trình tiếng Anh English Discovery và ứng dụng vào hoạt động giảng dạy tiếng Anh tại Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông	Vũ Thị Sâm	Cấp Học viện	
32	Nghiên cứu về chiến lược ngôn từ bất lịch sự trong giao tiếp tiếng Anh	Nguyễn Thị Phương Nhung	Cấp Học viện	
33	Nghiên cứu về ảnh hưởng của việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước đọc đối với kỹ năng đọc hiểu của sinh viên	Phạm Thị Nguyên Thu	Cấp Học viện	
34	Nghiên cứu tác phẩm “Đạo đức cách mạng” của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của tác phẩm đối với giáo dục đạo đức cho sinh viên hiện nay	Đỗ Thị Diệu	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
35	Nghiên cứu những tư tưởng cơ bản trong tác phẩm "Dân chủ và giáo dục" của John Dewey và ý nghĩa của nó	Phạm Minh Ái	Cấp Học viện	
36	Nghiên cứu thái độ vô cảm của con cái trong gia đình Việt Nam hiện nay	Phạm Thị Khánh	Cấp Học viện	
37	Nghiên cứu lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả đập bóng nhanh trước mặt ở vị trí số 3 của nam sinh viên đội tuyển Bóng chuyền Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Nguyễn Đức Thịnh	Cấp Học viện	
38	Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về vai trò Nhà nước đối với phát triển du lịch.	Đào Mạnh Ninh	Cấp Học viện	
39	Nghiên cứu ứng dụng bài tập phát triển sức bền tốc độ cho nam sinh viên đội tuyển Cầu lông Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Nguyễn Phú Trung	Cấp Học viện	
40	Nghiên cứu ứng dụng bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt cho nữ sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Nguyễn Duy Trường	Cấp Học viện	
41	Nghiên cứu sự tán xạ không đàn hồi của ánh sáng và ứng dụng phân tích định lượng.	Nguyễn Thị Thúy Liễu	Cấp Học viện	
42	Nghiên cứu lựa chọn bài tập nâng cao thành tích đẩy tạ lưng hướng ném cho nữ sinh viên đội tuyển điền kinh Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Trương Kim Liên	Cấp Học viện	
43	Nghiên cứu đối chiếu đặc trưng ngữ nghĩa của kết cấu gây khiến có động từ "make" trong tiếng Anh và "làm" trong tiếng Việt	Đỗ Thị Phương Thúy	Cấp Học viện	
44	Nghiên cứu và xây dựng bộ bài luyện thi theo chuẩn TOEFL ITP phần Cấu trúc ngữ pháp và Diễn đạt	Nguyễn Thị Thiết	Cấp Học viện	
45	Ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy Vật lý ở Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Lê Thị Minh Thanh	Cấp Học viện	
46	Nghiên cứu tính tích cực và năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên trong các giờ học nói tiếng Anh tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Lê Thị Hồng Hạnh	Cấp Học viện	
47	Định lý biểu diễn dương của Putinar	Hoàng Phi Dũng	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
48	Nghiên cứu thuật toán giải bài toán bất đẳng thức biến phân trên tập nghiệm của bài toán điểm bất động chung tách với đa tập đầu ra	Trần Việt Anh	Cấp Học viện	
49	Nghiên cứu giải pháp và xây dựng hệ thống đánh giá tự động môn học lập trình mạng	ThS. Đặng Ngọc Hùng	Cấp Học viện	
50	Nghiên cứu xây dựng phần mềm mô phỏng hoạt động của các giải thuật cơ bản trong môn học Các hệ thống phân tán	ThS. Nguyễn Xuân Anh	Cấp Học viện	
51	Xây dựng công cụ hỗ trợ công tác truyền thông về khoa Công nghệ thông tin 1	TS. Nguyễn Thị Mai Trang	Cấp Học viện	
52	Nghiên cứu phát triển bộ câu hỏi và test-case học phần Nhập môn trí tuệ nhân tạo triển khai trên hệ thống thực hành trực tuyến	ThS. Vũ Hoài Thư	Cấp Học viện	
53	Xây dựng bộ câu hỏi và test-case đánh giá học phần Toán rời rạc 2 trên công thực hành trực tuyến	TS. Vũ Văn Thỏa	Cấp Học viện	
54	Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống thực hành, chấm điểm tự động cho nhóm môn môn Cơ sở dữ liệu, thử nghiệm với môn Cơ sở dữ liệu	PGS.TS. Nguyễn Trọng Khánh	Cấp Học viện	
55	Nghiên cứu một số phương pháp phân cụm bản tin và ứng dụng trong quản lý thông tin mạng	TS. Dương Trần Đức	Cấp Học viện	
56	Nghiên cứu phương pháp khuyến nghị tin tức trên cổng thông tin điện tử dựa trên dữ liệu phiên sử dụng mạng lưới thần kinh đồ thị (Graph Neuron Network)	ThS. Nguyễn Hoàng Anh	Cấp Học viện	
57	Nghiên cứu phương pháp xây dựng hệ tư vấn dựa vào ngữ cảnh	TS. Đỗ Thị Liên	Cấp Học viện	
58	Nghiên cứu phương pháp phát hiện tấn công mạng dựa trên mạng nơ-ron đồ thị	TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy	Cấp Học viện	
59	Nghiên cứu phương pháp sinh câu hỏi trắc nghiệm tự động	ThS. Ngô Tiến Đức	Cấp Học viện	
60	Nghiên cứu cải tiến độ chính xác tra cứu ảnh dựa vào nội dung theo tiếp cận mạng nơ ron tích chập đồ thị	TS. Đào Thị Thúy Quỳnh	Cấp Học viện	
61	Kết hợp cơ chế tự chú ý trong Transformer với mạng nơ ron chú ý đồ thị cho nâng cao hiệu năng nhận dạng ảnh nha khoa	ThS. Nguyễn Văn Tiến	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
62	Nghiên cứu phép tách bảo toàn thông tin trong cơ sở dữ liệu quan hệ với thông tin không chính xác	ThS. Nguyễn Đình Hiến	Cấp Học viện	
63	Nghiên cứu xây dựng phương án thành lập khoa đào tạo đại học ngành Trí tuệ nhân tạo tại Học viện Công nghệ BCVT	PGS.TS. Phạm Văn Cường	Cấp Học viện	
64	Nghiên cứu phương pháp phát hiện lỗi hồng mã nguồn dựa trên phân tích đặc trưng mã nguồn và trí tuệ nhân tạo	PGS.TS. Đỗ Xuân Chợ	Cấp Học viện	
65	Nghiên cứu phát hiện mã độc JavaScript sử dụng học sâu	PGS.TS. Hoàng Xuân Dậu	Cấp Học viện	
66	Nghiên cứu phương pháp phát hiện mã độc trên hệ điều hành Android dựa trên học máy	ThS. Vũ Minh Mạnh	Cấp Học viện	
67	Nghiên cứu phát hiện tấn công web sử dụng các bộ dữ liệu không cân bằng	ThS. Ninh Thị Thu Trang	Cấp Học viện	
68	Nghiên cứu xây dựng hệ thống đăng nhập website S-Link demo thông qua thẻ sinh viên gắn chip tương tác NFC với mobile app không sử dụng Username và Password	TS. Trần Tuấn Anh	Cấp Học viện	
69	Nghiên cứu thiết kế bộ chuyển mạch thermo-optic ba mode dẫn sóng E11, E12, E21 dựa trên giao thoa kế Mach-Zehnder và giao thoa đa mode trên nền quang tử silic	PGS.TS. Trương Cao Dũng	Cấp Học viện	
70	Nghiên cứu phương pháp và thuật toán lý thuyết điều khiển làm giảm nhiễu định kỳ bằng cách sử dụng bộ quan sát nhiễu	TS. Mai Thị Nghĩa	Cấp Học viện	
71	Nghiên cứu mô hình thể hiện các cảm xúc phức tạp bằng cách sử dụng màu sắc dành cho Robot	ThS. Đào Thanh Huyền	Cấp Học viện	
72	Nghiên cứu cải tiến thuật toán tối ưu tốc độ - biến dạng (RDO) cho mã hóa video	TS. Nguyễn Thị Hương Thảo	Cấp Học viện	
73	Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hỗ trợ chẩn đoán y tế từ tín hiệu điện tâm đồ (ECG)	ThS. Phạm Văn Sự	Cấp Học viện	
74	Nghiên cứu xây dựng phương pháp điều chế vector không gian cho biến tần đa bậc tổng quát	TS. Đỗ Duy Hiệp	Cấp Học viện	
75	Nghiên cứu nâng cao hiệu suất phổ tần mã không gian - thời gian điều chế không gian ứng dụng trong các hệ thống thông tin vô tuyến thế hệ mới.	TS. Lê Minh Tuấn	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
76	Nghiên cứu, đề xuất thuật toán để giảm phản hồi âm thanh trong máy trợ thính dựa trên dịch tần số và tính chất thừa thớt của đường phản hồi âm thanh	TS.Trần Thục Linh	Cấp Học viện	
77	Nghiên cứu giải pháp sàng lọc một số bệnh tim mạch tại biên dựa trên tín hiệu ECG	ThS. Lương Công Duẩn	Cấp Học viện	
78	Nghiên cứu giải pháp phân loại thiết bị và giám sát công suất tiêu thụ dựa trên NILM	KS. Nguyễn Quang Biên	Cấp Học viện	
79	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp sửa lỗi của hệ thống thông tin quang dựa vào mô hình học sâu	KS. Trần Thị Thanh Thủy	Cấp Học viện	
80	Nghiên cứu, tính toán, thiết kế hệ thống điều khiển lực đẩy cho quạt đẩy điện	ThS. Đinh Quang Ngọc	Cấp Học viện	
81	Nghiên cứu xây dựng mô hình toán học, thuật toán và phần mềm giải bài toán bắn đón trong máy tính điều khiển hỏa lực có tính đến các đại lượng hiệu chỉnh	TS. Trịnh Trung Hiếu	Cấp Học viện	
82	Nghiên cứu bộ dự đoán Smith và ứng dụng trong hệ thống điều khiển tự động	ThS. Vũ Anh Đào	Cấp Học viện	
83	Nghiên cứu, xây dựng điện cực carbon phát hiện protein dựa trên hạt nano vàng và phương pháp miễn dịch.	TS. Trần Thị Thúy Hà	Cấp Học viện	
84	Nghiên cứu các hình thức thể hiện của báo nhúng và xu hướng ứng dụng hiện nay	ThS. Bùi Văn Anh	Cấp Học viện	
85	Nghiên cứu các kỹ thuật tương tác của người dùng trong môi trường thực tại tăng cường	ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm	Cấp Học viện	
86	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thực tế tăng cường (AR) trong truyền thông thị giác trên các phương tiện truyền thông xã hội phổ biến	ThS. Nguyễn Đình Sơn	Cấp Học viện	
87	Nghiên cứu các yếu tố của mỹ thuật trên môi trường Báo điện tử Việt Nam.	ThS. Hà Thị Hồng Ngân	Cấp Học viện	
88	Nghiên cứu vai trò của phản biện thông qua chuyên mục "Điểm tuần" của Đài Truyền Hình Việt Nam	TS. Đỗ Hải Hoàn	Cấp Học viện	
89	Nghiên cứu các hình thức tương tác của công nghệ thực tế ảo tăng cường (AR) đối với trải nghiệm người dùng dựa trên lý thuyết Chấp nhận công nghệ (TAM)	ThS. Nguyễn Cảnh Châu	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
90	Nghiên cứu và đề xuất kỹ thuật cải tiến hiệu năng mã hóa Video theo chuẩn H.266/VVC	TS. Vũ Hữu Tiến	Cấp Học viện	
91	Nghiên cứu thực trạng Podcast tin tức trên báo mạng điện tử ở Việt Nam hiện nay	ThS. Lê Tuấn Anh	Cấp Học viện	
92	Nghiên cứu cách tiếp cận giao tiếp hiệu quả trong Quan hệ công chúng	ThS. Nguyễn Văn Anh	Cấp Học viện	
93	Nghiên cứu xu hướng siêu tác phẩm báo chí (mega story) trên báo điện tử tại Việt Nam hiện nay.	ThS. Vương Khánh Ly	Cấp Học viện	
94	Nghiên cứu hoạt động quan hệ công chúng của các trường đại học (qua một số trường hợp cụ thể)	TS. Lê Thị Hằng	Cấp Học viện	
95	Nghiên cứu hình thức truyền thông tuyển sinh đại học trên báo điện tử Việt nam	ThS. Trần Thị Tuyết Nhung	Cấp Học viện	
96	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ AI trong một số công cụ thiết kế đồ họa hiện nay	ThS. Nguyễn Thị Hoài Phương	Cấp Học viện	
97	Nghiên cứu các công cụ xử lý và đánh giá chất lượng ảnh video dựa theo phương pháp đánh giá chủ quan	TS. Phí Công Huy	Cấp Học viện	
98	Ảnh hưởng của thông điệp trong xử lý khủng hoảng truyền thông	ThS. Trần Ngọc Trang Ninh	Cấp Học viện	
99	Nghiên cứu xu hướng sử dụng video trên báo điện tử tại Việt Nam hiện nay	ThS. Vũ Thùy Linh	Cấp Học viện	
100	Nghiên cứu cơ hội và thách thức trong lĩnh vực phát triển Game tại Việt nam	ThS. Đỗ Văn Hanh	Cấp Học viện	
101	Nghiên cứu phát triển hệ thống KIT thực hành chuyên sâu IoT cho sinh viên ngành Điện tử viễn thông.	TS. Nguyễn Trọng Trung Anh	Cấp Học viện	
102	Nghiên cứu giải pháp giảm tải hiệu quả cho các hệ thống IoT được hỗ trợ bởi tính toán biên	PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban	Cấp Học viện	
103	Nghiên cứu giải pháp tăng hiệu quả của hệ thống phát hiện ngã dựa trên cảm biến trên điện thoại thông minh	TS. Ngô Thị Thu Trang	Cấp Học viện	
104	Thiết kế hệ thống phân phối khóa lượng tử cho truyền thông quang không dây dưới nước	TS. Vũ Quang Minh	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
105	Nghiên cứu phương pháp tối ưu công suất cho các máy thu 5G sử dụng công nghệ AI	TS. Bùi Quang Chung	Cấp Học viện	
106	Phân tích hiệu năng giải pháp truyền thông không dây ứng dụng mặt phản xạ thông minh cấu hình được (RIS)	PGS.TS. Lê Hải Châu	Cấp Học viện	
107	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ học máy trong phân tích dữ liệu gene và chẩn đoán bệnh nhiễm trùng máu	TS. Nguyễn Chiến Trinh	Cấp Học viện	
108	Nghiên cứu mô hình học máy để nâng cao hiệu suất chẩn đoán rối loạn nhịp tim	ThS. Khuất văn Đức	Cấp Học viện	
109	Cải tiến phương pháp học liên kết trong mạng điện toán biên đa truy nhập	TS. Hoàng Thị Thu	Cấp Học viện	
110	Phương pháp lựa chọn gene nổi bật nâng cao hiệu quả chẩn đoán nhiễm trùng máu dựa trên học sâu	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Cấp Học viện	
111	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ học máy trong phân tích gene hỗ trợ chẩn đoán bệnh	ThS. Vũ Đức Long	Cấp Học viện	
112	Nghiên cứu giải pháp truyền phối hợp trong hệ thống hỗ trợ bề mặt thông minh có thể tái cấu hình (RIS) cho mạng 6G	TS. Lê Thanh Thủy	Cấp Học viện	
113	Nghiên cứu hệ thống 6G truyền thông siêu tin cậy và độ trễ thấp (URLL) có khả năng tái cấu hình (RIS) và truyền thông gói ngắn (SPC)	TS. Nguyễn Việt Đảm	Cấp Học viện	
114	Đánh giá hiệu năng mạng cảm biến quang FBG kết hợp với mạng cự li dài WDM cho IoT	TS. Cao Hồng Sơn	Cấp Học viện	
115	Đánh giá hiệu năng bảo mật lớp vật lý cho truyền thông quang được hỗ trợ bởi RIS trong môi trường nước	TS. Nguyễn Văn Thăng	Cấp Học viện	
116	Nghiên cứu cải thiện hiệu năng kỹ thuật massive MIMO cho hệ thống truyền thông vệ tinh quỹ đạo thấp	TS. Nguyễn Việt Minh	Cấp Học viện	
117	Nghiên cứu cấu trúc bức xạ hình vành khăn và ứng dụng cho thiết kế anten trong hệ thống giao thông thông minh	TS. Dương Thị Thanh Tú	Cấp Học viện	
118	Nghiên cứu thiết kế bộ lọc khoang cộng hưởng cải thiện hiệu năng cho phân vô tuyến của trạm gốc 5G	TS. Nguyễn Việt Hưng	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
119	Nghiên cứu thuật toán thông minh phân loại nhịp tim để phát hiện bất thường tim mạch dựa trên tín hiệu điện tâm đồ	ThS. Nguyễn Hữu Cầm	Cấp Học viện	
120	Ứng dụng quá trình ngẫu nhiên và học máy phát triển mô hình dự báo thị trường tài chính	ThS. Nguyễn Thành Trung	Cấp Học viện	
121	Phân tích quỹ đường truyền cho hệ thống FSO vệ tinh chuyển tiếp dựa trên HAP trong khu vực nhiệt đới	TS. Nguyễn Thị Thu Nga	Cấp Học viện	
122	Nghiên cứu, phân tích đánh giá giải pháp đảm bảo an toàn định tuyến trong mạng cảm biến không dây đa phương tiện	ThS. Trần Huy Long	Cấp Học viện	
123	Nghiên cứu ứng dụng tường lửa mã nguồn mở pfSense trong quản lý truy cập mạng tại phòng thí nghiệm thực hành	ThS. Đặng Trần Lê Anh	Cấp Học viện	
124	Nghiên cứu công nghệ học máy và ứng dụng trong hệ thống phát hiện xâm nhập của IoT	ThS. Bùi Trường Sơn	Cấp Học viện	
125	Dự báo năng lượng và hiệu suất tấm pin mặt trời	ThS. Nguyễn Đình Long	Cấp Học viện	
126	Nghiên cứu phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam	ThS. Dương Thúy Hằng	Cấp Học viện	
127	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.	TS. Lê Thị Ngọc Diệp	Cấp Học viện	
128	Nghiên cứu tác động của quản trị nguồn nhân lực xanh đến hành vi xanh của nhân viên tại các khách sạn 4-5 sao trên địa bàn thành phố Hà Nội	TS. Nguyễn Thị Hồng	Cấp Học viện	
129	Nghiên cứu phát triển bán lẻ hợp kênh (Omni-channel) của các doanh nghiệp Thương mại Điện tử tại Việt Nam	TS. Trần Thị Thập	Cấp Học viện	
130	Nghiên cứu phòng ngừa rủi ro pháp lý trong hoạt động giao nhận và vận chuyển hàng hóa tại Việt Nam	TS. Trần Đoàn Hạnh	Cấp Học viện	
131	Nghiên cứu phát triển dịch vụ chứng thực chữ ký số tại Việt Nam	TS. Vũ Trọng Phong	Cấp Học viện	
132	Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh hoạt động truyền thông marketing tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Lê Thị Bích Ngọc	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
133	Phát triển văn hóa doanh nghiệp tại Tổng công ty bưu điện Việt Nam	ThS. Phạm Thị Minh Lan	Cấp Học viện	
134	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý kho ngoại quan của doanh nghiệp Logistics Việt Nam	TS. Trần Thị Hòa	Cấp Học viện	
135	Nghiên cứu văn hóa giao tiếp với khách hàng trên các kênh bán hàng của một số doanh nghiệp bán lẻ trực tuyến ngành thực phẩm tại Việt Nam	TS. Nguyễn Thùy Dung	Cấp Học viện	
136	Nghiên cứu ảnh hưởng của văn hóa tổ chức tới động lực làm việc của người lao động tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cấp Học viện	
137	Đánh giá các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ niêm yết trên sàn chứng khoán HoSE và HNX	PGS.TS. Nguyễn Văn Hậu	Cấp Học viện	
138	Nghiên cứu đặc tính tài sản trú ẩn an toàn của tiền mã hóa	ThS. Đặng Phong Nguyên	Cấp Học viện	
139	Nghiên cứu đánh giá năng lực số của giảng viên Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông	TS. Nguyễn Thị Chinh Lam	Cấp Học viện	
140	Nghiên cứu khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo giá cổ phiếu	ThS. Trần Quốc Khánh	Cấp Học viện	
141	Đánh giá các yếu tố tác động đến việc áp dụng tài chính xanh tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam	TS. Lê Thị Ánh	Cấp Học viện	
142	Nghiên cứu mức độ chấp nhận công nghệ InsurTech của doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Cấp Học viện	
143	Nghiên cứu sử dụng phương pháp đường bao dữ liệu (DEA) và kỹ thuật học máy để đánh giá và dự báo hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	PGS.TS. Đỗ Quang Hưng	Cấp Học viện	
144	Phân tích xu hướng ứng dụng dữ liệu lớn của các tổ chức tài chính trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	ThS. Nguyễn Hương Anh	Cấp Học viện	
145	Nghiên cứu tác động của lợi nhuận giữ lại đến kết quả hoạt động của các doanh nghiệp Công nghệ thông tin và truyền thông niêm yết tại Việt Nam	TS. Vũ Quang Kết	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
146	Nghiên cứu hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành điện niêm yết tại Việt Nam	TS. Phạm Duy Khánh	Cấp Học viện	
147	Nghiên cứu mô hình phát hiện gian lận báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Việt Lê	Cấp Học viện	
148	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong Quản trị danh mục khách hàng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam	TS. Trần Thị Thanh Thúy	Cấp Học viện	
149	Xây dựng phần mềm đánh giá tự động kiến thức, kỹ năng làm bài tập lớn môn Kiến trúc máy tính	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Cấp Học viện	
150	Nghiên cứu thiết kế module cảm biến thông minh không dây đa năng cho hệ thống AIoT	TS. Nguyễn Tài Tuyên	Cấp Học viện	
151	Thiết kế modul xử lý dữ liệu và giao tiếp máy tính cho bài thí nghiệm " Khảo sát hiện tượng Quang - Điện"	TS. Nguyễn Đức Việt	Cấp Học viện	
152	Ước lượng DOA với giải thuật MUSIC và ứng dụng	TS. Nguyễn Đức Minh	Cấp Học viện	
153	Nghiên cứu điều tra những nhân tố tác động đến chuyển đổi số của doanh nghiệp ở Việt Nam	ThS. Nguyễn Ngọc Anh	Cấp Học viện	
154	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội	ThS. Trần Hương Giang	Cấp Học viện	
155	Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng xa xỉ kín đáo tại Việt Nam	ThS. Nguyễn Bảo Ngọc	Cấp Học viện	
156	Nghiên cứu tác động của thông tin truyền thông và đánh giá trực tuyến đến ý định mua các thiết bị gia dụng tiết kiệm điện	ThS. Lê Bảo Ngọc	Cấp Học viện	
157	Nghiên cứu vai trò của sự cam kết mối quan hệ và niềm tin tới hành vi của người tiêu dùng trong môi trường thương mại điện tử	ThS. Nguyễn Hoàng Giang	Cấp Học viện	
158	Nghiên cứu kiểm định thang đo Khả năng thích ứng nghề nghiệp với sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Thị Kim Chi	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
159	Nghiên cứu các yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến ý định du lịch làng nghề truyền thống tại Hà Nội	ThS. Nguyễn Thị Phương Dung	Cấp Học viện	
160	Nghiên cứu ứng dụng khung năng lực nhằm phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức	TS. Từ Thảo Hương Giang	Cấp Học viện	
161	Nghiên cứu ảnh hưởng của sự chứng thực của người nổi tiếng đến thái độ và ý định mua các sản phẩm mỹ phẩm thuần chay	ThS. Vũ Việt Tiến	Cấp Học viện	
162	Nghiên cứu tích hợp phần mềm mô phỏng vào Game engine để hỗ trợ xây dựng các bài giảng ảo	ThS. Đinh Văn Dũng	Cấp Học viện	
163	Nghiên cứu, chế tạo thiết bị hỗ trợ nhận diện, báo cáo sự kiện bất thường mất chúa trong thùng ong	KS. Trần Duy Hiếu	Cấp Học viện	
164	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp trò chơi hóa (gamification) trong đào tạo môn học ngành thương mại điện tử tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Thanh Toàn	Cấp Học viện	
165	Nghiên cứu mô hình phòng thí nghiệm thực-ảo hỗn hợp trong đào tạo thí nghiệm thực hành ngành điện tử	ThS. Nguyễn Đức Hoàng	Cấp Học viện	
166	Nghiên cứu và xây dựng quy trình đo kiểm đánh giá chất lượng dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông di động mặt đất 5G theo QCVN 126:2021/BTTTT	Trần Trung Phong	Cấp Học viện	
167	Nghiên cứu và xây dựng quy trình đo phơi nhiễm trường điện từ của trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng theo QCVN 08:2022/BTTTT	Trịnh Bảo Khánh	Cấp Học viện	
168	Nghiên cứu, xây dựng Quy trình, bài đo tiếp đất theo QCVN 9:2016/BTTTT và chống sét theo QCVN 32:2020/BTTTT cho trung tâm dữ liệu, công trình viễn thông	Vũ Hồng Sơn	Cấp Học viện	
169	Nghiên cứu xây dựng công cụ thu thập danh mục tiêu chuẩn của các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO, IEC, ITU) trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	Phạm Tiến Dũng	Cấp Học viện	
170	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Đặng Văn Tùng	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
171	Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo quản lý của viên chức cấp Phòng tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Đặng Thu Hà	Cấp Học viện	
172	Nghiên cứu mô hình hợp tác quốc tế phục vụ định hướng đào tạo bậc đại học cho người Việt Nam tại Hàn Quốc	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	Cấp Học viện	
173	Khảo sát, đánh giá hoạt động sử dụng khóa học trực tuyến tích hợp cho hệ đào tạo chất lượng cao ngành marketing tại Học viện	TS. Phạm Vũ Minh Tú	Cấp Học viện	
174	Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức đào tạo dành cho đối tượng lãnh đạo và quản lý cấp cao tại Học viện Công nghệ BCVT	TS. Đoàn Hiếu	Cấp Học viện	
175	Sự tồn tại nghiệm của bài toán tối ưu véctor với các giả thiết không lồi	TS. Nguyễn Xuân Hải	Cấp Học viện	
176	Sự tồn tại dòng cân bằng cho mạng giao thông đa mục tiêu.	TS. Nguyễn Hồng Quân	Cấp Học viện	
177	Tính chất tập nghiệm cho bài toán trò chơi đa mục tiêu tổng quát	TS. Nguyễn Văn Hưng	Cấp Học viện	
178	Tính hữu hạn của tập idêan nguyên tố đôi liên kết của môđun đồng điều địa phương theo một cặp idêan	TS. Đỗ Ngọc Yên	Cấp Học viện	
179	Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau và việc thực hiện tư tưởng này của Người trong sự nghiệp đổi mới đất nước	ThS. Lê H'Vinh	Cấp Học viện	
180	Phát huy tính năng động và sáng tạo trong việc nâng cao ý thức tự học của sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Nguyễn Thị Tri Lý	Cấp Học viện	
181	Nghiên cứu lựa chọn một số bài tập phát triển sức bền tốc độ cho nam sinh viên câu lạc bộ bóng rổ Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Xuân Hiệp	Cấp Học viện	
182	Nghiên cứu đánh giá sự biến đổi thể lực của nam sinh viên câu lạc bộ bóng đá Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh sau một chu kỳ luyện	ThS. Huỳnh Minh Cường	Cấp Học viện	
183	Đánh giá hiệu năng hệ thống truyền gói tin ngắn dưới sự hỗ trợ của mặt phản xạ thông minh vừa phản xạ và truyền qua đồng thời (STAR-IRS) qua kênh truyền fading Rayleigh	ThS. Nguyễn Thị Yên Linh	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
184	Nghiên cứu sự tác động của nhiệt ảnh hưởng đến sự suy thoái quang thông của WLED	ThS. Nguyễn Thị Phương Loan	Cấp Học viện	
185	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận dạng giọng nói tự động đến phát âm tiếng Anh của sinh viên trong lớp học đảo ngược tại PTIT (Investigating the effect of automatic speech recognition on PTIT students' features of English pronunciation in a flipped classroom)	ThS. Nguyễn Đại Phong	Cấp Học viện	
186	Nghiên cứu tác động của Chatbot lên kỹ năng Đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên không chuyên	ThS. Đinh Nguyễn Thanh Nhân	Cấp Học viện	
187	Nghiên cứu những khó khăn và giải pháp cho việc luyện tập bài thi TOEIC thông qua Tiktok. (Challenges and solutions for practicing TOEIC through Tiktok videos: Students' and Teachers' Perceptions at Tertiary Level)	ThS. Dương Trần Thủy Trinh	Cấp Học viện	
188	Nghiên cứu hiệu quả của dạy học theo dự án trong việc nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng mềm cho sinh viên đại học	ThS. Trần Thị Kim Quý	Cấp Học viện	
189	Đặc điểm ngôn ngữ của thư tín thương mại Tiếng Anh so sánh với thư tín thương mại Tiếng Việt. Ứng dụng trong việc giảng dạy kỹ năng Writing tại PTIT cơ sở TP.HCM	ThS. Trần Thị Vân	Cấp Học viện	
190	Nghiên cứu graph database cho mục đích lưu trữ dữ liệu đa phương tiện	ThS. Nguyễn Ngọc Duy	Cấp Học viện	
191	Phân tích và cải thiện hiệu năng mạng LoRa với sự giúp đỡ của mặt phản xạ thông minh và công cụ hình học ngẫu nhiên	TS. Nguyễn Thị Tuyết Hải	Cấp Học viện	
192	Nghiên cứu giải pháp đánh giá lược đồ UML mô hình hóa một hệ thống trên máy tính	ThS. Nguyễn Anh Hào	Cấp Học viện	
193	Phát triển trò chơi giáo dục thú vị về lập trình cơ bản	ThS. Lê Minh Hóa	Cấp Học viện	
194	Nghiên cứu phương pháp xây dựng bài thi dạng Cryptography trong các cuộc thi CTF	ThS. Phan Nghĩa Hiệp	Cấp Học viện	
195	Nghiên cứu nhu cầu tài nguyên tính toán của Transformer trong phân loại ảnh	ThS. Nguyễn Trung Hiếu	Cấp Học viện	
196	Ứng dụng thuật toán CNN nhận diện khuôn mặt trong hệ thống IoT nhà thông minh	ThS. Phan Thanh Hy	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
197	Nghiên cứu phương pháp xây dựng bài thi Binary cho các cuộc thi CTF theo thể thức Jeopardy	ThS. Đàm Minh Lịnh	Cấp Học viện	
198	Ứng dụng hình tượng Rồng thời Trần trong thiết kế nhân vật truyện tranh lịch sử	ThS. Nguyễn Tất Mão	Cấp Học viện	
199	Nghiên cứu phương pháp Multi-Model của cơ sở dữ liệu OrientDB	ThS. Nguyễn Thị Bích Nguyên	Cấp Học viện	
200	Xây dựng giải pháp nhận dạng bảng điểm viết tay	ThS. Nguyễn Văn Sáu	Cấp Học viện	
201	Nghiên cứu khả năng cải tiến Transformer dựa trên sự tương đồng với Graph Neural Network	TS. Nguyễn Hồng Sơn	Cấp Học viện	
202	Xây dựng cơ sở dữ liệu Thông tin Sức khỏe điện tử	ThS. Lê Hà Thanh	Cấp Học viện	
203	Nghiên cứu mô hình học sâu nhằm phát hiện ảnh giấu tin.	ThS. Nguyễn Hoàng Thành	Cấp Học viện	
204	Nghiên cứu giải pháp bảo vệ thông tin nhạy cảm với Secure QR Code	TS. Huỳnh Trọng Thừa	Cấp Học viện	
205	Ứng dụng Hoa văn Thủy ba Lý Trần vào thiết kế bao bì đương đại.	ThS. Huỳnh Thị Tuyết Trinh	Cấp Học viện	
206	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn vào phân tích và dự báo trể trong ngành hàng không	ThS. Huỳnh Trung Trự	Cấp Học viện	
207	Ứng dụng chữ viết vào thiết kế Poster trong ngành thiết kế đa phương tiện	ThS. Trần Thị Nhã Vi	Cấp Học viện	
208	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh xét trên khía cạnh tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Tp.Hồ Chí Minh	ThS. Dương Nguyễn Uyên Minh	Cấp Học viện	
209	Đánh giá các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT)	PGS. TS Nguyễn Văn Phước	Cấp Học viện	
210	Nghiên cứu tác động quyền số của giỏ hàng hóa đến chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index – CPI)	ThS. Đỗ Như Lực	Cấp Học viện	
211	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho ứng dụng di động của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Trung Thành	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
212	Tổ chức công tác kế toán quản trị tại các trường Đại học công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính ở Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Trần Thị Nhật Hà	Cấp Học viện	
213	Ảnh hưởng của sức hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng đến ý định ứng tuyển của sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Thị Phương Hảo	Cấp Học viện	
214	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) của các doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán	ThS. Trần Quốc Hùng	Cấp Học viện	
215	Ảnh hưởng của truyền miệng điện tử eWOM đến hình ảnh thương hiệu và ý định lựa chọn sản phẩm của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	Cấp Học viện	
216	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ Digibank khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Bảo Lâm	Cấp Học viện	
217	Khám phá cấu trúc sở thích của khách hàng tại TP. Hồ Chí Minh đối với mỹ phẩm chăm sóc da thuần chay: tiếp cận bằng phương pháp phân tích kết hợp	ThS. Trần Thị Khánh Li	Cấp Học viện	
218	Tác động của giá trị quảng cáo qua phương tiện truyền thông xã hội đến hành vi mua ngẫu hứng trực tuyến của người tiêu dùng tại Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Lê Nguyễn Nam Trân	Cấp Học viện	
219	Phân tích một số cơ hội và thách thức đối với thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay	ThS. Đỗ Duy Trọng	Cấp Học viện	
220	Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng ví điện tử của người tiêu dùng tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Nguyễn Thị Hải Uyên	Cấp Học viện	
221	Đo lường mức độ tác động của các yếu tố đến ý định sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Trần Thanh Trà	Cấp Học viện	
222	Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết trong chỉ số VN100 ở Việt Nam	ThS. Lê Hoàng Mai	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
223	Tác động của digital marketing đến ý định chọn trường đại học của người học tại TP Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	TS. Võ Thị Phương Nhung	Cấp Học viện	
224	Mối liên hệ giữa hai chỉ báo đo lường mức độ hợp tác nghiên cứu quốc tế: đồng tác giả ấn phẩm khoa học và đồng tác giả sáng chế	TS. Nguyễn Xuân Bá	Cấp Học viện	
225	Giải pháp thúc đẩy công tác chuyển đổi số tại các ngân hàng thương mại hướng tới ngân hàng số tại Việt Nam năm 2030	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Cấp Học viện	
226	Đánh giá hiệu suất của các hệ thống truy cập IoT qua vệ tinh khi chia sẻ phổ vô tuyến với các mạng mặt đất.	ThS. Lê Chu Khản	Cấp Học viện	
227	Thiết kế và lắp đặt mạch giám sát từ xa phụ tải điện (đo điện áp, dòng điện, công suất, tần số) hộ gia đình.	ThS. Lê Duy Khánh	Cấp Học viện	
228	Nghiên cứu NB-IoT và ứng dụng NB-IoT trong thành phố thông minh	ThS. Phạm Quốc Hợp	Cấp Học viện	
229	Nghiên cứu về kiến trúc chức năng mạng SDN và ứng dụng	ThS. Nguyễn Khánh Toàn	Cấp Học viện	
230	Đánh giá xác suất dừng và xác suất mất bảo mật cho mạng đa người dùng sử dụng bề mặt phản xạ thông minh và kỹ thuật tạo nhiễu nhân tạo với sự xuất hiện của nhiễu nút nghe lén	ThS. Phạm Minh Quang	Cấp Học viện	
231	Thiết kế và đánh giá hiệu năng mô hình chuyển tiếp kết hợp vệ tinh-trạm mặt đất sử dụng mã Fountain và NOMA cho mạng quảng bá đa người dùng	ThS. Nguyễn Văn Hiền	Cấp Học viện	
232	Đánh giá hiệu năng mạng chuyển tiếp trong vô tuyến nhận thức dạng nền với truyền thông gói tin ngắn sử dụng phương pháp học sâu	ThS. Huỳnh Văn Hóa	Cấp Học viện	
233	Nghiên cứu và đánh giá hiệu năng của công nghệ Network Slicing trong mạng di động 5G	ThS. Phạm Thanh Đàm	Cấp Học viện	
234	Nghiên cứu kiến trúc single-node sen sor và ứng dụng trong mạng cảm biến không dây và ứng dụng	ThS. Đỗ Văn Việt Em	Cấp Học viện	
235	Nghiên cứu đề xuất xây dựng Cloud Computing Lab tại HV Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh	ThS. Trần Đình Thuần	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
236	Thiết kế và mô phỏng hệ thống IoT trên Cisco Packet Tracer	ThS. Phan Thanh Toàn	Cấp Học viện	
237	Thiết kế, xây dựng module thực hành kỹ thuật lập trình PLC bằng Tia Portal và FluidSim cho ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.	Th.S Đoàn Công Anh	Cấp Học viện	
238	Điều khiển bù điện áp lưới dùng bộ điều hòa chất lượng điện năng đồng nhất (UPQC) trong trường hợp tải phi tuyến và sụt áp nguồn	ThS. Hồ Nhựt Minh	Cấp Học viện	
239	Thiết kế vi mạch cho bộ phát hiện tần số và pha	TS. Phạm Thị Đan Ngọc	Cấp Học viện	
240	Ứng dụng thuật toán Tối Ưu Hóa Bầy Đàn (PSO) để tối ưu hóa Bộ điều khiển bậc hai tuyến tính (LQR) trên mô hình hệ Bánh Quay Trên Con Lắc Ngược.	Ths. Nguyễn Bình Hậu	Cấp Học viện	
241	Ứng dụng phương pháp kiểm soát năng lượng và điều khiển tối ưu tuyến tính hóa bậc hai (LQR) để thực hiện Swing-Up và cân bằng cho hệ Bánh Quay Trên Con Lắc Ngược.	Ths. Trần Đình Đạt	Cấp Học viện	
242	Nghiên cứu kỹ thuật giấu tin thích nghi trong video stereo	TS. Nguyễn Lương Nhật	Cấp Học viện	
243	Nghiên cứu hiệu năng mạng chuyển tiếp hai chiều sử dụng bề mặt phản xạ thông minh và mã Fountain	PGS. TS. Trần Trung Duy	Cấp Học viện	
244	Nghiên cứu mạng chuyển tiếp hai chiều cho mạng IoT sử dụng mã Rateless và kỹ thuật khử nhiễu tuần tự (SIC)	ThS. Nguyễn Lan Anh	Cấp Học viện	
245	Nâng cao hiệu năng mạng bảo mật lớp vật lý đa chặng với kỹ thuật định tuyến cộng tác	TS. Nguyễn Thanh Bình	Cấp Học viện	
246	Thiết kế vi mạch dao động điều khiển bằng điện áp (VCO)	ThS. Phạm Thế Duy	Cấp Học viện	
247	Phân tích âm thanh tim dùng phương pháp biến đổi Holo-Hilbert	ThS. Trần Quang Thuận	Cấp Học viện	
248	Nghiên cứu xây dựng phương pháp và công cụ đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ số cho doanh nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Đỗ Quang Hưng	Cấp Học viện	
249	Nghiên cứu và dự báo kinh tế số Việt Nam và các tỉnh/thành phố tới năm 2030	TS. Trần Đình Nam	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
250	Nghiên cứu xây dựng công cụ đo lường tỷ trọng kinh tế số tại các tỉnh và thành phố ở Việt Nam	PGS.TS. Đặng Thị Việt Đức	Cấp Học viện	
251	Nghiên cứu và ứng dụng phương pháp đào tạo kết hợp cho công tác giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Đào Mạnh Ninh	Cấp Học viện	
252	Nghiên cứu phát triển hệ thống giám sát thi phòng máy tại phòng máy sử dụng trí tuệ nhân tạo	TS. Vũ Hoài Nam	Cấp Học viện	
253	Nghiên cứu phát triển robot thu gom rác tự động ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Bùi Quang Chung	Cấp Học viện	
254	Nghiên cứu xây dựng cổng thông tin việc làm tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Vũ Văn Thương	Cấp Học viện	
255	Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát an ninh ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tại Thư viện của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Việt Dung	Cấp Học viện	
256	Nghiên cứu phát triển hệ thống hỗ trợ checkin phục vụ sự kiện ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo	TS. Phan Lý Huỳnh	Cấp Học viện	
257	Nghiên cứu phát triển ứng dụng phòng họp không giấy tờ	ThS. Trần Vũ Hải	Cấp Học viện	
258	Nghiên cứu, xây dựng mô hình hệ thống nhà kính nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ truyền thông không dây diện rộng Lora	ThS. Trương Minh Đức	Cấp Học viện	
259	Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ tri thức đào tạo Lãnh đạo và Quản lý – MBA ứng dụng trí tuệ nhân tạo	TS. Nguyễn Anh Hoàng	Cấp Học viện	
260	Nghiên cứu nâng cấp hệ thống trợ lý ảo Ami theo hướng tương tác thời gian thực nhằm nâng cao tính thân thiện với sinh viên	TS. Nguyễn Việt Hưng	Cấp Học viện	
261	Nghiên cứu xây dựng hệ thống cố vấn học tập số cho sinh viên quốc tế tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	TS. Phạm Vũ Minh Tú	Cấp Học viện	
262	Nghiên cứu giải pháp hỗ trợ cải tiến phương pháp đào tạo các môn học Lập trình ứng dụng các công nghệ phát triển nội dung và tăng cường tương tác	ThS. Nguyễn Mạnh Sơn	Cấp Học viện	

TT	Tên đề tài	Người chủ trì	Cấp quản lý	Ghi chú
263	Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích và đánh giá thông tin nhằm hỗ trợ tổng hợp thông tin truyền thông tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	PGS.TS, Đỗ Xuân Chợ	Cấp Học viện	
264	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thu thập thông tin giảng dạy trí tuệ nhân tạo (AI)	TS. Trần Tiến Công	Cấp Học viện	
265	Nghiên cứu xây dựng phương án thành lập Trung tâm xuất sắc đào tạo và nghiên cứu tại Học viện	TS. Lê Thị Hằng	Cấp Học viện	
266	Nghiên cứu thiết kế và phát triển giải pháp đọc thông tin căn cước công dân, phục vụ cho tự động hóa nhập liệu thông tin người dùng	ThS. Nguyễn Văn Hình	Cấp Học viện	
267	Nghiên cứu và xây dựng giải pháp ứng dụng K8S để xây dựng lộ trình triển khai hệ thống đại học số của Học viện dưới dạng nền tảng	ThS. Vũ Thị Lan Hương	Cấp Học viện	
268	Nghiên cứu thiết kế và phát triển hệ thống quản lý hoạt động đăng ký tham dự sự kiện	TS. Nguyễn Mạnh Dũng	Cấp Học viện	
269	Nghiên cứu và xây dựng giải pháp thẻ số phục vụ công tác quản lý sinh viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Cấp Học viện	
270	Nghiên cứu xác định các công nghệ tiềm năng và nhiệm vụ khoa học cần thực hiện cho việc hỗ trợ xây dựng Chiến lược Khoa học công nghệ trong lĩnh vực ICT của Việt Nam giai đoạn 2025-2035	TS. Nguyễn Đức Hoàng	Cấp Học viện	

b) Số lượng công trình khoa học được công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín và các công bố khoa học khác; số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp: **243**

c) Các kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp (nếu có).

2. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹⁴

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
		BVH	BVS	
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	8,7	5%	5,20%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,82	0,63	0,84
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,5	0	0,19

3. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm 2024

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	5	6.964
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	25	6.955
3	Đề tài cấp cơ sở	240	7.942
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	1	488
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	2.000
	Tổng số	272	511.861

4. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	233	169
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	228	100
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	3	190
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Thu chi tài chính

1.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Học viện là đơn vị sự nghiệp giáo dục, tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, không sử dụng ngân sách nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thí điểm cơ chế tự chủ tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 06/02/2016. Theo đó, cơ chế tài chính của Học viện là cơ chế doanh nghiệp và quỹ tiền lương được xác định theo doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, căn cứ khoản 3 Điều 40, Học viện tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị nhóm 1, là đơn vị tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư, không sử dụng ngân sách nhà nước, thực hiện cơ chế tài chính doanh nghiệp và quỹ tiền lương được xác định theo doanh nghiệp.

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng

với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác). *(số liệu chi tiết tại mục 3.Kết quả thu chi hoạt động).*

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác. *(số liệu chi tiết tại mục 3.Kết quả thu chi hoạt động).*

1.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Học viện đã xây dựng và ban hành mức thu học phí đối với các hệ đào tạo dài hạn theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Học viện đã thực hiện chi các chế độ chính sách cho người học từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn chi phí tự chủ thường xuyên của đơn vị để chi các loại học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, khen thưởng, hoạt động phong trào và các khoản chi hỗ trợ khác cho người học, với tổng kinh phí chi năm 2024 là 44,667 tỷ đồng.

1.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

1.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Học viện thực hiện công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước và kết quả tài chính hàng năm sau khi kết thúc năm tài chính theo đúng quy định.

Hàng năm, Học viện thực hiện kiểm toán độc lập về kiểm toán báo cáo tài chính sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹⁵

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
		BVH	BVS	
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	14,8%	7,99%	12,51%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	18,94%	26,49%	15,55%

3. Kết quả thu chi hoạt động¹⁶

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
		BVH	BVS	
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	491.522	109.595	499,737
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0	
II	Thu giáo dục và đào tạo	438.64	107.872	452,558
1	Học phí, lệ phí từ người học	378.101	92.3	382,372
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	4.791	0.5	6,168
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	2.583	0	2,208
4	Thu khác	53.165	15.072	61,810
III	Thu khoa học và công nghệ	35.488	1.335	25,964
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	17.114	0.25	10,270
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0.907	0	2,819
3	Thu khác	17.467	1.085	12,875
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	17.394	0.388	21,215
B	TÔNG CHI HOẠT ĐỘNG	378.101	92.3	431,357
I	Chi lương, thu nhập	414.419	103.583	196,358
1	Chi phí tiền lương cho CB, VC, NLĐ	189.281	55.489	176,826
2	Các khoản chi khác cho CB, VC, NLĐ	94.364	34.14	19,532
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	94.917	21.349	188,778
1	Chi cho đào tạo	184.82	38.867	91,826
2	Chi cho nghiên cứu	70.017	10.414	24,859
3	Chi cho phát triển đội ngũ	33.44	0	2,051
4	Chi phí chung và chi khác	2.022	0	70,042
III	Chi hỗ trợ người học	79.341	28.453	44,667
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	39.027	8.928	34,636

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (2024)		Năm trước liên kế năm báo cáo (2023)
		BVH	BVS	
2	Chi hoạt động nghiên cứu	35.694	8.901	0,296
3	Chi hoạt động khác	0.271	0	9,735
IV	Chi khác	3.062	0.027	1,554
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	1.291	0.299	68,380
	<i>Chênh lệch thu chi/Tổng thu</i>	77.1	6.01	

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁷

KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC

 PGS.TS. Trần Quang Anh